

DANH SÁCH

Công nhận kết quả thi cấp Chứng nhận Tiếng Anh (dạng thức Toeic 450+)

(Ban hành kèm theo QĐ số: /2024/QĐ -TTNNTH, ngày tháng năm 2024 của Giám đốc Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học)

Khóa thi ngày: 17/05/2024

STT	SBD	Họ và	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm	Ghi chú
01	175001	Nguyễn Thanh An	12/05/2002	Bà Rịa-Vũng Tàu	705	Cấp CN
02	175002	Nguyễn Huỳnh Lập Ân	16/09/2003	Bình Dương	345	
03	175003	Nguyễn Ngọc Vân Anh	20/06/2003	Tp. Hồ Chí Minh	740	Cấp CN
04	175004	Nguyễn Phương Quế Anh	09/09/2001	Tp. Hồ Chí Minh	685	Cấp CN
05	175005	Trần Thị Vân Anh	03/04/2003	Long An	405	
06	175006	Trần Cao Sơn Anh	06/06/1998	Kiên Giang	620	Cấp CN
07	175007	Nguyễn Trương Hoàng Anh	16/09/2003	Long An	740	Cấp CN
08	175008	Mâu Minh Anh	28/08/2002	Tp. Hồ Chí Minh	740	Cấp CN
09	175009	Nguyễn Lê Thiên Anh	26/09/2003	Tp. Hồ Chí Minh	410	
10	175010	Nguyễn Trương Quỳnh Anh	25/08/2002	Tp. Hồ Chí Minh	600	Cấp CN
11	175011	Nguyễn Thị Lan Anh	06/03/2002	Hưng Yên	535	Cấp CN
12	175012	Nguyễn Thụy Vân Anh	26/02/2002	Đồng Nai	455	Cấp CN
13	175013	Nguyễn Hiền Anh	25/08/2002	Tây Ninh	415	
14	175014	Đặng Thị Ngọc Ánh	21/09/2003	Hải Dương	730	Cấp CN
15	175015	Dương Ngọc Ánh	13/12/2003	Tp. Hồ Chí Minh	360	
16	175016	Dương Kim Ánh	13/12/2003	Tp. Hồ Chí Minh	475	Cấp CN
17	175017	Nguyễn Tàn Thúc Bảo	02/05/2003	Long An	370	
18	175018	Nguyễn Hoài Bảo	23/07/2003	Long An	440	
19	175019	Hồng Gia Bảo	08/06/2004	Tiền Giang	435	
20	175020	Hà Quốc Bảo	23/06/2002	Bình Dương	580	Cấp CN
21	175021	Hồ Thanh Bình	15/10/2003	Bình Dương	325	
22	175022	Trần Thị Thanh Bình	16/06/2002	Lâm Đồng	655	Cấp CN
23	175023	Nguyễn Thái Bình	19/08/2002	Cần Thơ	315	
24	175024	Trương Ngọc Cẩm	17/07/2003	Phú Yên	785	Cấp CN
25	175025	Nguyễn Phước Minh Châu	07/11/2002	Tp. Hồ Chí Minh	390	
26	175026	Phạm Thị Kim Chi	28/11/2003	Long An	560	Cấp CN
27	175027	Hồ Thị Kim Chi	07/07/2002	Long An	575	Cấp CN
28	175028	Nguyễn Kim Chúc	01/03/2003	Cà Mau	460	Cấp CN
29	175029	Võ Biên Cương	18/06/2003	Tây Ninh	340	
30	175030	Đoàn Ngọc Anh Cương	11/07/1999	Tp. Hồ Chí Minh	465	Cấp CN
31	175031	Lê Cung Cường	12/08/2002	Thanh Hóa	770	Cấp CN

STT	SBD	Họ và	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm	Ghi chú
32	175032	Trần Nhật Đại	01/12/2002	Bà Rịa-Vũng Tàu	345	
33	175033	Bùi Đức Đan	04/09/2000	Bình Dương	265	
34	175034	Nguyễn Tấn Danh	11/09/2003	Long An	350	
35	175035	Hoàng Xuân Tấn Đạt	13/07/2003	Đắk Lắk	690	Cấp CN
36	175036	Nguyễn Trần Trung Đạt	28/07/2004	Tiền Giang	395	
37	175037	Trương Quốc Đạt	08/10/2003	Tp. Hồ Chí Minh	420	
38	175038	Cao Tiến Đạt	04/09/2000	Kon Tum	785	Cấp CN
39	175039	Nguyễn Lê Thành Đạt	14/05/2002	Tây Ninh	575	Cấp CN
40	175040	Nguyễn Tấn Đạt	29/07/1999	Bình Thuận	280	
41	175041	Huỳnh Tấn Đạt	11/10/2002	An Giang	260	
42	175042	Bùi Ngọc Diệp	28/01/2003	Tp. Hồ Chí Minh	250	
43	175043	Trần Ngọc Diệu	06/07/2003	Bạc Liêu	380	
44	175044	Dương Hoàn Đông	27/03/2003	Long An	650	Cấp CN
45	175045	Nguyễn Thị Sang Đông	31/10/2003	Long An	625	Cấp CN
46	175046	Đào Thị Dung	11/08/2003	Thanh Hóa	340	
47	175047	Ngô Mỹ Dung	05/06/2003	Tp. Hồ Chí Minh	710	Cấp CN
48	175048	Nguyễn Thị Ngọc Dung	30/08/2003	Bà Rịa-Vũng Tàu	550	Cấp CN
49	175049	Nguyễn Lâm Dương	20/06/2002	Tp. Hồ Chí Minh	375	
50	175050	Trần Thị Thùy Dương	07/04/2004	Tây Ninh	250	
51	175051	Nguyễn Thanh Duy	05/03/2004	Gia Lai	455	Cấp CN
52	175052	Nguyễn Khánh Duy	28/02/2003	Phú Yên	330	
53	175053	Phạm Nguyễn Hoàng Duy	26/10/2003	Long An	120	
54	175054	Lê Đình Duy	28/07/1999	Đồng Nai	365	
55	175055	Nguyễn Thị Duyên	14/10/2002	Thanh Hóa	590	Cấp CN
56	175056	Nguyễn Hương Duyên	21/09/2002	Tiền Giang	310	
57	175057	Trần Thị Ngọc Giàu	07/09/2003	Tây Ninh	275	
58	175058	Nguyễn Đình Thanh Hà	18/12/2003	Bình Dương	260	
59	175059	Trần Lê Hồng Hà	25/11/2003	Quảng Ngãi	515	Cấp CN
60	175060	Đoàn Lê Khiêm Hạ	05/08/2000	Bà Rịa-Vũng Tàu	465	Cấp CN
61	175061	Phạm Ngọc Hải	28/10/2003	Tp. Hồ Chí Minh	275	
62	175062	Nguyễn Thị Ngọc Hân	27/07/2003	Bến Tre	410	
63	175063	Huỳnh Thị Ngọc Hân	10/12/2003	Tây Ninh	615	Cấp CN
64	175064	Đoàn Thị Kiều Hân	09/02/2003	Tiền Giang	370	
65	175065	Trần Nguyễn Trúc Hân	04/04/2002	Tp. Hồ Chí Minh	365	
66	175066	Trần Thị Thu Hằng	28/02/2003	Đắk Lắk	765	Cấp CN

STT	SBD	Họ và	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm	Ghi chú
67	175067	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	25/02/2002	Quảng Ngãi	270	
68	175068	Lâm Chí Hào	03/01/2003	Tp. Hồ Chí Minh	610	Cấp CN
69	175069	Nguyễn Như Hiền	21/10/2003	Tp. Hồ Chí Minh	785	Cấp CN
70	175070	Nguyễn Quốc Hiệp	07/07/2003	Tây Ninh	325	
71	175071	Đinh Hoàng Hiệp	09/02/2003	Tp. Hồ Chí Minh	490	Cấp CN
72	175072	Nguyễn Hiệp Hòa	23/02/2003	Tiền Giang	370	
73	175073	Đặng Thị Thu Hoài	29/09/2002	Bà Rịa-Vũng Tàu	755	Cấp CN
74	175074	Trần Minh Hợp	14/09/2003	Phú Yên	225	
75	175075	Phan Ngọc Huân	12/11/2003	Tp. Hồ Chí Minh	475	Cấp CN
76	175076	Nguyễn Thanh Hùng	02/08/2002	Long An	435	
77	175077	Lưu Thị Mỹ Hương	05/12/2003	Lâm Đồng	340	
78	175078	Nguyễn Thị Kim Hương	20/06/2001	Nam Định	855	Cấp CN
79	175079	Lê Thị Hương	23/08/2002	Thanh Hóa	210	
80	175080	Nguyễn Tấn Quốc Huy	19/04/2003	Tp. Hồ Chí Minh	595	Cấp CN
81	175081	Lê Hoàng Huy	24/07/2002	Tp. Hồ Chí Minh	505	Cấp CN
82	175082	Nguyễn Giang Gia Huy	17/07/2002	Tp. Hồ Chí Minh	805	Cấp CN
83	175083	Hoàng Trọng Quang Huy	28/12/2000	Lâm Đồng	420	
84	175084	Nguyễn Lê Huyền	25/12/2000	Tiền Giang	450	Cấp CN
85	175085	Phạm Nguyễn Hoàng Duy Kha	21/06/2003	Long An	490	Cấp CN
86	175086	Nguyễn Minh Khang	29/08/2003	Tp. Hồ Chí Minh	625	Cấp CN
87	175087	Trần Minh Khang	23/09/2002	Tp. Hồ Chí Minh	510	Cấp CN
88	175088	Diệp Nguyễn Hoàng Khang	17/11/2003	Lâm Đồng	400	
89	175089	Nguyễn Thái Khiêm	21/11/2003	Long An	415	
90	175090	Võ Đăng Khoa	11/07/2003	Tp. Hồ Chí Minh	320	
91	175091	Đặng Nhật Khoa	26/03/2003	Long An	285	
92	175092	Vũ Anh Khoa	07/11/2002	Bà Rịa - Vũng Tàu	450	Cấp CN
93	175093	Nguyễn Ngọc Đăng Khoa	11/01/2003	Long An	415	
94	175094	Phạm Minh Khôi	02/09/2002	Long An	745	Cấp CN
95	175095	Lê Tuấn Khôi	10/06/2001	Tp. Hồ Chí Minh	465	Cấp CN
96	175096	Nguyễn Hồng Khởi	08/07/2003	Bình Thuận	615	Cấp CN
97	175097	Nguyễn Tấn Kiệt	07/07/2002	Tp. Hồ Chí Minh	595	Cấp CN
98	175098	Lư Hoàng Anh Kiệt	15/05/2003	Tp. Hồ Chí Minh	705	Cấp CN
99	175099	Phan Thị Mộng Kiều	01/04/2003	Bà Rịa-Vũng Tàu	595	Cấp CN
100	175100	Huỳnh Phương Lâm	14/10/2003	Long An	230	
101	175101	Nguyễn Thị Mỹ Lanh	23/11/2003	Gia Lai	695	Cấp CN

STT	SBD	Họ và	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm	Ghi chú
102	175102	Nguyễn Thị Mỹ Lê	21/12/2003	Bình Định	745	Cấp CN
103	175103	Lê Tiến Lên	11/12/2003	Bến Tre	705	Cấp CN
104	175104	Huỳnh Liên	25/09/2003	Trà Vinh	365	
105	175105	Nguyễn Lê Huỳnh Trúc Linh	17/03/2003	Tp. Hồ Chí Minh	460	Cấp CN
106	175106	Phan Thị Trúc Linh	01/11/2003	Tp. Hồ Chí Minh	705	Cấp CN
107	175107	Nguyễn Thị Kim Linh	04/10/2003	Bến Tre	695	Cấp CN
108	175108	Nguyễn Diệu Linh	03/09/2002	Quảng Bình	775	Cấp CN
109	175109	Trịnh Lê Phương Linh	31/07/2003	Đắk Lắk	780	Cấp CN
110	175110	Đặng Hồ Khánh Linh	28/12/2002	Đồng Nai	785	Cấp CN
111	175111	Phan Thành Lộc	07/03/2002	Long An	720	Cấp CN
112	175112	Cao Phi Long	18/08/2001	Gia Lai	475	Cấp CN
113	175113	Huỳnh Công Luận	09/02/2003	Tiền Giang	740	Cấp CN
114	175114	Nguyễn Thị Trúc Ly	06/09/2002	Đồng Nai	290	
115	175115	Nguyễn Thị Cẩm Ly	31/08/2003	Hà Nội	390	
116	175116	Trần Thị Ngọc Mai	11/09/2003	Bình Phước	380	
117	175117	Dương Quỳnh Mai	25/10/2003	Ninh Thuận	530	Cấp CN
118	175118	Nguyễn Thị Thu Mai	22/11/2002	Tp. Hồ Chí Minh	200	
119	175119	Trần Triệu Mẫn	28/08/2003	Long An	425	
120	175120	Lý Thị Tiểu Mẫn	06/06/2002	Long An	295	
121	175121	Trần Đình Minh	17/04/2002	Tp. Hồ Chí Minh	725	Cấp CN
122	175122	Nguyễn Đức Minh	02/10/2003	Vĩnh Phúc	445	
123	175123	Phạm Thanh Minh	18/04/2002	Phú Thọ	360	
124	175124	Lê Thị Trà My	20/01/2003	Quảng Ngãi	745	Cấp CN
125	175125	Nguyễn Thị Diễm My	16/05/2003	Đắk Lắk	545	Cấp CN
126	175126	Nguyễn Trà My	17/01/2003	Tây Ninh	320	
127	175127	Lê Nguyễn Hà My	29/10/2003	Tp. Hồ Chí Minh	620	Cấp CN
128	175128	Nguyễn Cẩm Diễm My	13/11/2000	Đồng Tháp	330	
129	175129	Lê Trần Bảo My	11/11/2003	Đắk Lắk	275	
130	175130	Nguyễn Ngọc Mỹ	26/08/2003	Khánh Hòa	570	Cấp CN
131	175131	Nguyễn Phan Nam	27/09/2002	Quảng Trị	390	
132	175132	Phạm Văn Nam	04/03/2003	Cà Mau	230	
133	175133	Nguyễn Trần Thị Kim Nam	24/09/2003	Gia Lai	410	
134	175134	Nguyễn Thị Ngọc Nga	01/03/2003	Đồng Nai	335	
135	175135	Phùng Thị Thúy Nga	29/03/2002	Tp. Hồ Chí Minh	395	
136	175136	Huỳnh Kim Ngân	24/11/2003	Tp. Hồ Chí Minh	305	

STT	SBD	Họ và	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm	Ghi chú
137	175137	Nguyễn Thị Thúy Ngân	21/09/2003	Bến Tre	715	Cấp CN
138	175138	Lê Thị Ngân	15/10/2003	Cà Mau	775	Cấp CN
139	175139	Phan Trúc Ngân	08/10/2003	Tp. Hồ Chí Minh	565	Cấp CN
140	175140	Huỳnh Kim Ngân	20/08/2003	Long An	415	
141	175141	Nguyễn Ngọc Kim Ngân	28/06/2003	Khánh Hòa	580	Cấp CN
142	175142	Trần Thị Kim Ngân	07/10/2002	Long An	575	Cấp CN

Tổng cộng: 142 thí sinh

Khóa thi ngày: 18/05/2024

STT	SBD	Họ và	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm	Ghi chú
01	185001	Phạm Hiếu Nghĩa	24/05/2003	Tiền Giang	660	Cấp CN
02	185002	Nguyễn Tuấn Nghĩa	28/12/2003	Long An	360	
03	185003	Hồ Trọng Nghĩa	06/05/2002	Tiền Giang	580	Cấp CN
04	185004	Phạm Nguyễn Bảo Ngọc	10/08/2002	Tp. Hồ Chí Minh	585	Cấp CN
05	185005	Phạm Quốc Ngừ	06/12/2000	Tp. Hồ Chí Minh	405	
06	185006	Đỗ Thảo Nguyên	11/08/2003	Bình Phước	460	Cấp CN
07	185007	Nguyễn Thị Kim Nguyên	19/10/2003	Tp. Hồ Chí Minh	625	Cấp CN
08	185008	Trần Minh Nguyên	09/12/2003	Gia Lai	385	
09	185009	Trần Thu Nguyệt	24/05/2003	Hải Dương	610	Cấp CN
10	185010	Trần Ngọc Thanh Nhã	04/08/2002	Tp. Hồ Chí Minh	390	
11	185011	Nguyễn Thị Thanh Nhân	08/11/2003	Tp. Hồ Chí Minh	435	
12	185012	Châu Trọng Nhân	07/02/2001	Tp. Hồ Chí Minh	305	
13	185013	Đỗ Thành Nhân	10/12/1999	Tp. Hồ Chí Minh	500	Cấp CN
14	185014	Đỗ Thành Nhân	12/01/2003	Tp. Hồ Chí Minh	565	Cấp CN
15	185015	Huỳnh Phước Nhân	23/11/2002	Tp. Hồ Chí Minh	585	Cấp CN
16	185016	Nguyễn Hoàng Ý Nhi	12/05/2003	Bình Định	655	Cấp CN
17	185017	Nguyễn Thị Yến Nhi	02/01/2002	Đồng Nai	610	Cấp CN
18	185018	Lương Nguyễn Phương Nhi	09/11/2003	Thừa Thiên Huế	655	Cấp CN
19	185019	Ngô Mỹ Nhi	03/10/2003	Bến Tre	410	
20	185020	Nguyễn Thị Yến Nhi	29/08/2002	Long An	500	Cấp CN
21	185021	Nguyễn Thị Yến Nhi	20/11/2003	Khánh Hòa	585	Cấp CN
22	185022	Trần Thị Phượng Nhi	22/11/2003	Tiền Giang	405	
23	185023	Phan Thị Cẩm Nhiên	28/02/2002	Tây Ninh	450	Cấp CN
24	185024	Trần Thị Thảo Như	24/06/2003	Bến Tre	620	Cấp CN
25	185025	Nguyễn Quỳnh Như	19/09/2003	Tp. Hồ Chí Minh	700	Cấp CN
26	185026	Nguyễn Yến Như	30/03/2003	Tp. Hồ Chí Minh	385	
27	185027	Trần Thị Mỹ Như	31/08/2003	Tp. Hồ Chí Minh	495	Cấp CN
28	185028	Trang Quỳnh Như	27/01/2003	Tp. Hồ Chí Minh	570	Cấp CN
29	185029	Tạ Thị Quỳnh Như	16/03/2003	Quảng Ngãi	635	Cấp CN
30	185030	Tô Ngọc Uyên Như	11/06/2003	Ninh Thuận	570	Cấp CN
31	185031	Phạm Thị Quỳnh Như	27/11/2003	Tp. Hồ Chí Minh	540	Cấp CN
32	185032	Trần Thị Hồng Nhung	05/09/2003	Tp. Hồ Chí Minh	610	Cấp CN
33	185033	Đặng Thị Bích Ny	17/11/2002	Phú Yên	390	
34	185034	Trần Vĩnh Phát	13/08/2002	Tp. Hồ Chí Minh	250	
35	185035	Bùi Minh Phát	19/01/2002	Long An	595	Cấp CN
36	185036	Võ Tấn Phát	21/09/2002	Tp. Hồ Chí Minh	-	Vắng

STT	SBD	Họ và	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm	Ghi chú
37	185037	Trần Thanh Phong	08/05/2001	Đồng Nai	475	Cấp CN
38	185038	Lê Thị Hồng Phúc	01/07/2003	Tp. Hồ Chí Minh	660	Cấp CN
39	185039	Mai Hồng Phúc	30/11/2003	Tp. Hồ Chí Minh	645	Cấp CN
40	185040	Trương Hoàng Phúc	08/09/2003	Long An	260	
41	185041	Lương Mỹ Phụng	06/01/2002	Tp. Hồ Chí Minh	710	Cấp CN
42	185042	Phạm Thị Thu Phương	18/08/2003	Gia Lai	600	Cấp CN
43	185043	Trần Thị Kim Phụng	25/10/2003	Tp. Hồ Chí Minh	145	
44	185044	Nguyễn Việt Quân	29/03/2003	Vĩnh Long	560	Cấp CN
45	185045	Trương Bảo Quân	04/04/2003	Bà Rịa - Vũng Tàu	385	
46	185046	Đặng Trần Minh Quân	22/10/2003	Tp. Hồ Chí Minh	770	Cấp CN
47	185047	Nguyễn Đình Quang	30/03/2003	Tp. Hồ Chí Minh	295	
48	185048	Nguyễn Ngọc Quang	14/06/2001	Đồng Nai	600	Cấp CN
49	185049	Trần Thanh Ngọc Quý	08/05/2002	Tp. Hồ Chí Minh	235	
50	185050	Ngô Đức Quý	12/01/2003	Kiên Giang	280	
51	185051	Trương Thục Quyên	15/11/2003	Lâm Đồng	330	
52	185052	Mạch Tú Quyên	17/02/2002	Sóc Trăng	580	Cấp CN
53	185053	Ngô Mỹ Quyên	30/04/2003	Tp. Hồ Chí Minh	685	Cấp CN
54	185054	Võ Thị Lệ Quyên	13/07/2003	Quảng Ngãi	210	
55	185055	Nguyễn Hà Quyên	22/10/2003	Tp. Hồ Chí Minh	485	Cấp CN
56	185056	Bạch Ngọc Như Quỳnh	19/11/2003	Bến Tre	510	Cấp CN
57	185057	Trần Thị Diễm Quỳnh	14/04/2003	Hà Tĩnh	370	
58	185058	Mai Thị Xuân Quỳnh	02/12/2003	Bình Thuận	645	Cấp CN
59	185059	Nguyễn Hoàng Trúc Quỳnh	19/04/2002	Lâm Đồng	650	Cấp CN
60	185060	Đặng Phương Quỳnh	05/05/2003	Tp. Hồ Chí Minh	535	Cấp CN
61	185061	Nguyễn Tấn Sang	18/09/2002	Tiền Giang	255	
62	185062	Đoàn Ngọc Sơn	04/01/2002	Bình Dương	485	Cấp CN
63	185063	Huỳnh Thị Thu Sương	19/02/2003	Long An	335	
64	185064	Phạm Phát Tài	25/07/2003	Tây Ninh	-	Vắng
65	185065	Dương Kim Tài	19/10/2003	Tp. Hồ Chí Minh	535	Cấp CN
66	185066	Hồ Thị Thanh Tâm	10/11/2002	Bà Rịa - Vũng Tàu	275	
67	185067	Nguyễn Như Tâm	15/04/2003	Tp. Hồ Chí Minh	290	
68	185068	Lê Thanh Tâm	19/04/2002	Thái Bình	630	Cấp CN
69	185069	Nguyễn Quang Thái	02/12/2002	Tp. Hồ Chí Minh	475	Cấp CN
70	185070	Hoàng Thị Thu Thảo	12/02/2003	Lâm Đồng	335	
71	185071	Khổng Thị Phương Thảo	24/11/2002	Hải Phòng	625	Cấp CN
72	185072	Phạm Thị Thu Thảo	23/09/2001	Tây Ninh	340	
73	185073	Nguyễn Ngọc Lan Thi	28/12/2003	Tp. Hồ Chí Minh	675	Cấp CN
74	185074	Nguyễn Anh Thơ	30/10/2003	Tp. Hồ Chí Minh	775	Cấp CN
75	185075	Nguyễn Việt Trường Thông	05/05/2003	Tây Ninh	540	Cấp CN
76	185076	Nguyễn Thị Anh Thư	26/05/2002	Bến Tre	335	
77	185077	Vũ Trần Minh Thư	23/07/2003	Tp. Hồ Chí Minh	170	
78	185078	Bùi Trần Minh Thư	12/06/2002	Trà Vinh	660	Cấp CN
79	185079	Phạm Nguyễn Nhật Thứ	12/07/2003	Ninh Thuận	410	
80	185080	Nguyễn Thanh Thương	02/08/2003	An Giang	700	Cấp CN
81	185081	Nguyễn Thị Thu Thùy	15/10/2003	Bình Thuận	265	
82	185082	Võ Thị Mỹ Tiên	23/09/2003	Tp. Hồ Chí Minh	510	Cấp CN
83	185083	Trịnh Đức Tiến	23/04/2002	Lâm Đồng	400	
84	185084	Nguyễn Thị Ngọc Tiên	09/07/2003	Tp. Hồ Chí Minh	455	Cấp CN
85	185085	Dương Thành Tín	30/10/2001	Bà Rịa - Vũng Tàu	345	
86	185086	Phan Thị Bích Trâm	04/10/2003	Đồng Nai	475	Cấp CN

STT	SBD	Họ và	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm	Ghi chú
87	185087	Nguyễn Hoàng Ngọc Trâm	10/12/2003	Tp. Hồ Chí Minh	435	
88	185088	Nguyễn Thị Huyền Trân	01/05/2002	Tây Ninh	605	Cấp CN
89	185089	Nguyễn Quách Bảo Trân	14/05/2002	Tp. Hồ Chí Minh	655	Cấp CN
90	185090	Trần Thụy Quế Trân	19/01/2002	Bến Tre	575	Cấp CN
91	185091	Đinh Thị Quế Trân	07/10/2003	Tiền Giang	545	Cấp CN
92	185092	Nguyễn Ngọc Bảo Trân	17/10/2002	Tiền Giang	420	
93	185093	Nguyễn Thị Thùy Trang	26/01/2003	Hà Tĩnh	405	
94	185094	Đỗ Thị Thùy Trang	06/10/2002	Tp. Hồ Chí Minh	575	Cấp CN
95	185095	Trần Minh Trí	14/10/2003	Long An	780	Cấp CN
96	185096	Võ Thanh Trí	27/07/2003	Tiền Giang	545	Cấp CN
97	185097	Đỗ Mạnh Trí	15/04/2002	Tp. Hồ Chí Minh	565	Cấp CN
98	185098	Võ Hoàng Triều	01/04/2001	Tp. Hồ Chí Minh	570	Cấp CN
99	185099	Hứa Thị Tú Trinh	20/01/2004	Tp. Hồ Chí Minh	415	
100	185100	Nguyễn Thị Tú Trinh	20/05/2003	Bà Rịa - Vũng Tàu	540	Cấp CN
101	185101	Nguyễn Thị Tú Trinh	24/05/2003	Lâm Đồng	585	Cấp CN
102	185102	Nguyễn Võ Phương Trinh	18/10/2002	Tây Ninh	585	Cấp CN
103	185103	Nguyễn Thị Diễm Trinh	19/10/2003	Tiền Giang	660	Cấp CN
104	185104	Lê Trương Trọng	01/07/1999	Bình Định	590	Cấp CN
105	185105	Lê Thanh Trúc	09/03/2002	Lâm Đồng	480	Cấp CN
106	185106	Huỳnh Ngọc Thanh Trúc	01/08/2003	Tp. Hồ Chí Minh	570	Cấp CN
107	185107	Hoàng Thanh Trung	30/07/2003	Lâm Đồng	635	Cấp CN
108	185108	Sái Đức Trường	17/06/2003	Tp. Hồ Chí Minh	520	Cấp CN
109	185109	Thân Quang Trường	04/11/2002	Bình Phước	240	
110	185110	Huỳnh Thị Cẩm Tú	15/03/2003	Long An	425	
111	185111	Trần Thị Cẩm Tú	30/11/2003	Tp. Hồ Chí Minh	290	
112	185112	Nguyễn Trọng Tuấn	27/11/2003	Tp. Hồ Chí Minh	400	
113	185113	Nguyễn Thanh Tuấn	31/12/2000	Cần Thơ	350	
114	185114	Phạm Minh Tùng	06/04/2002	Long An	380	
115	185115	Huỳnh Thị Xuân Tuyên	14/06/2002	Tp. Hồ Chí Minh	385	
116	185116	Lê Lâm Thanh Tuyên	14/11/2003	Tp. Hồ Chí Minh	685	Cấp CN
117	185117	Lê Thị Bích Tuyên	01/08/2003	Tiền Giang	620	Cấp CN
118	185118	Nguyễn Mai Mỹ Uyên	30/10/2003	Tp. Hồ Chí Minh	715	Cấp CN
119	185119	Huỳnh Trâm Uyên	06/02/2003	Đắk Lắk	740	Cấp CN
120	185120	Lê Trần Ngọc Uyên	10/03/2002	Tiền Giang	250	
121	185121	Trần Hoàng Cao Vân	16/01/2003	Đồng Nai	575	Cấp CN
122	185122	Lê Thị Thảo Vân	11/07/2002	Tp. Hồ Chí Minh	590	Cấp CN
123	185123	Võ Hà Tường Vi	10/12/2003	Bình Phước	680	Cấp CN
124	185124	Hồ Nguyễn Khánh Vi	17/03/2003	Bình Dương	730	Cấp CN
125	185125	Nguyễn Hữu Vinh	19/11/2003	Tp. Hồ Chí Minh	545	Cấp CN
126	185126	Phạm Quang Vinh	13/08/2003	Hải Phòng	680	Cấp CN
127	185127	Nguyễn Trần Vinh	07/03/2002	Tiền Giang	635	Cấp CN
128	185128	Phạm Phú Vinh	29/08/2002	Long An	725	Cấp CN
129	185129	Nguyễn Thị Kim Vui	04/09/2003	Tiền Giang	495	Cấp CN
130	185130	Lê Huỳnh Thảo Vy	14/09/2003	Cà Mau	690	Cấp CN
131	185131	Lương Thủy Vy	26/09/2003	Tiền Giang	545	Cấp CN
132	185132	Huỳnh Lê Tường Vy	04/12/2002	Long An	500	Cấp CN
133	185133	Trần Thụy Vy	30/06/2000	Tp. Hồ Chí Minh	520	Cấp CN
134	185134	Nguyễn Gia Thái Vy	02/05/2003	Tp. Hồ Chí Minh	410	
135	185135	Nguyễn Hoàng Trúc Vy	11/04/2002	Tp. Hồ Chí Minh	385	
136	185136	Nguyễn Thị Trúc Vy	01/06/2002	Long An	605	Cấp CN

STT	SBD	Họ và	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm	Ghi chú
137	185137	Võ Huỳnh Yến Vy	20/09/2002	Tp. Hồ Chí Minh	585	Cấp CN
138	185138	Nguyễn Khai Vỹ	06/08/2002	Tây Ninh	295	
139	185139	Điền Xưa	12/02/2001	Bình Phước	335	
140	185140	Huỳnh Thị Như Ý	16/04/2002	Bình Thuận	615	Cấp CN
141	185141	Nguyễn Thanh Hải Yến	23/10/2001	Đồng Nai	260	
142	185142	Nguyễn Ngọc Kim Yến	19/12/2003	Bạc Liêu	405	
143	185143	Đỗ Văn Đạt	21/11/2002	Quảng Bình	470	Cấp CN

Tổng cộng: 143 Thí sinh